

BÀN VỀ TẠO LẬP VÀ CHIA SẺ NGUỒN TIN SỐ HOÁ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN THÔNG TIN KHCN ĐỊA PHƯƠNG

Ths. Nguyễn Tiến Đức
Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia

Trình bày các tiền đề về pháp lý, tổ chức và kinh nghiệm để triển khai việc số hoá tại các cơ quan thông tin địa phương. Nêu 4 nhóm CSDL về KT-XH, KQNC, ĐTCB và CNNT và các biện pháp để thực hiện việc tạo lập và chia sẻ nguồn tin số.

Mở đầu

Số hoá các tài liệu nội sinh- tài liệu tiếng Việt, nhất là những tài liệu có giá trị lâu dài, là xu hướng tất yếu trong hoạt động thông tin KHCN ở nước ta. Nhận thức được tính tất yếu của xu hướng phát triển đó; xuất phát từ những lợi ích to lớn mà nguồn tin số hoá nội sinh mang lại, các cơ quan thông tin, tư liệu các ngành, các cấp, trong đó có cơ quan thông tin KHCN địa phương cần coi công tác số hoá và xây dựng các CSDL toàn văn là nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn từ nay đến 2010 và xa hơn là 2020.

Để tạo lập được tiềm lực nguồn tin số hoá "đủ ngưỡng", các cơ quan thông tin KHCN tỉnh, thành phố cần có chiến lược tiếp cận hợp lý, có kế hoạch sát thực và khả thi. Trước hết, ở mỗi địa phương nên tập trung xây dựng một số CSDL toàn văn chủ chốt làm nền

tảng với trọng tâm là những "sưu tập" tài liệu nội sinh có giá trị lâu dài của địa phương và về địa phương.

I. Những tiền đề thuận lợi để triển khai

Tiền đề thứ nhất, tiền đề quan trọng đầu tiên là **Khung khổ pháp lý**. Tiền đề này giúp cơ quan thông tin KHCN địa phương thuyết minh được với lãnh đạo các cấp ủng hộ, phê duyệt các kế hoạch, đề án số hoá cũng như tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các kế hoạch, đề án đó.

Trước hết, đó là Luật Khoa học và Công nghệ, được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 9/6/2000 và có hiệu lực từ 01/01/2001. Luật này đã mở ra một giai đoạn mới về chất của khung khổ pháp lý đối với hoạt động thông tin KHCN, trong đó, tại Điều 45 nêu rõ "Chính phủ đầu tư xây dựng hệ

thống thông tin KHCN quốc gia hiện đại, bảo đảm thông tin đầy đủ và kịp thời về các thành tựu KHCN trong các lĩnh vực KHCN trong nước và trên thế giới; hằng năm công bố danh mục và kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước".

Tiếp đó, nhằm quán triệt và hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 31 tháng 8 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định Chính phủ số 159/2004/NĐ-CP về hoạt động thông tin KHCN. Trong đó, tại Khoản 8, Điều 3. Nội dung hoạt động thông tin KHCN (đối với tất cả các cơ quan thông tin) đã nêu "8. *Xây dựng các cơ sở dữ liệu tổng hợp, chuyên đề và các Trang thông tin điện tử về KHCN; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin KHCN.*"

Một thuận lợi lớn về khung khổ pháp lý trong việc thu thập các báo cáo kết quả các nhiệm vụ KHCN (chương trình, đề tài, dự án các cấp), các tài liệu điều tra cơ bản - những tài liệu quan trọng, có ý nghĩa lâu dài đối với quốc gia và địa phương, đã được quy định rõ tại Điều 25 của Luật Khoa học và Công nghệ và cụ thể hoá tại các Điều 15, Điều 16 của Nghị định số 159/2004/NĐ-CP. Theo đó, *tất cả các kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách Nhà nước đều phải được đăng ký và lưu giữ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền* (ở địa phương, cơ quan có thẩm quyền chính là Sở Khoa học và Công nghệ).

Về mặt tổ chức, đối với các Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, Thành phố, trong Thông tư liên tịch số 15/2003/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2003 đã quy định: tại các Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố thành lập *Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN*. Đây là một điểm rất mới trong công tác tổ chức theo hướng tăng cường gắn kết hoạt

động tin học và thông tin KHCN tại địa phương.

Đặc biệt hơn, để cụ thể hoá, ngày 7/4/2004, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có CV số 760/BKHCN-TCCB gửi các tỉnh, thành phố và kèm theo CV là Điều lệ mẫu về Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN. Tại Khoản 7, Điều 1 (Chương II. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn) của Điều lệ này đã ghi *"7. Tổ chức và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thông tin KHCN tại địa phương; xây dựng và phát triển mạng thông tin KHCN, trang thông tin điện tử về KHCN tại địa phương; xây dựng Thư viện điện tử về KHCN tại địa phương; Tạo lập và phát triển Chợ ảo Công nghệ và Thiết bị địa phương và khu vực;"*

Như vậy, về hướng phát triển, về hình thức tổ chức, chức năng, nhiệm vụ đối với các cơ quan thông tin KHCN thuộc các Sở KHCN tỉnh, thành phố trong giai đoạn hiện nay đã được xác định rõ ràng. Thực hiện theo tinh thần Thông tư 15/2003/TTLT-BKHCN-BNV, Công văn số 760/BKHCN-TCCB và Điều lệ mẫu nêu trên, cho tới nay, trong cả nước đã có

trên 20 Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN thuộc các Sở KHCN được thành lập (chưa kể một số Trung tâm mang tên khác được thành lập trước đó nhưng trong hoạt động cũng đã và đang áp theo tinh thần của các văn bản nêu trên).

Tiền đề thứ hai. Tại các cơ quan thông tin KHCN địa phương, nhất là các nơi hoạt động dưới hình thức Trung tâm, đã có những cơ sở, điều kiện, tiềm lực nhất định, đó là: nguồn tài liệu đáng kể đã thu thập được; một số CSDL đã xây dựng, đang phát triển và phục vụ có hiệu quả nhất định; đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm trong hoạt động thông tin nói chung và tin học hoá tư liệu nói riêng,...

Tiền đề thứ ba. Trong mấy năm gần đây, một số cơ quan thông tin trung ương, ngành và địa phương đã và đang tiến hành số hoá với khối lượng lớn tài liệu (phục vụ trước mắt cho việc xây dựng những CSDL toàn văn và lâu dài cho Thư viện điện tử). Cách tiếp cận, kế hoạch triển khai cũng như những kinh nghiệm mà những cơ quan này có được cũng là tiền đề thuận lợi để các cơ quan thông tin KHCN đi sau có thể tham

khảo, áp dụng vào điều kiện cụ thể của mình.

Với những tiền đề thuận lợi như vậy, các cơ quan thông tin KHCN địa phương hoàn toàn có thể thuyết minh với các cấp lãnh đạo để họ phê duyệt kế hoạch/đề án số hoá kho tài liệu của mình và tổ chức triển khai thành công những kế hoạch/đề án đó nhằm tạo lập các CSDL toàn văn, tiến tới xây dựng thư viện điện tử ở địa phương.

II. Tiếp cận số hoá và tạo lập những CSDL chủ chốt

Tạo lập tiềm lực nguồn tin số hoá "đủ ngưỡng" là công việc đòi hỏi phải có định hướng, có kế hoạch chi tiết và phải được đầu tư thích hợp cũng như cần có thời gian và phải tiến hành dần từng bước. Trong phạm vi bài này chúng tôi không có tham vọng bàn tới toàn bộ các khía cạnh của vấn đề mà chỉ đề xuất: bước đầu tất cả các cơ quan thông tin KHCN địa phương đều nên tập trung xây dựng 4 CSDL toàn văn - mà theo chúng tôi đó là những CSDL chủ chốt:

1. Cơ sở dữ liệu toàn văn về kinh tế - xã hội gọi tắt là "KTXH". Diện bao quát của CSDL này gồm những

tài liệu về chính sách, đường hướng, kế hoạch đầu tư, quy hoạch, phát triển KT-XH của địa phương; các báo cáo tổng kết hàng năm, 5 năm và một giai đoạn nhất định của UBND tỉnh cũng như của các ban, ngành của tỉnh; các báo cáo hội nghị, hội thảo về tình hình KT-XH của tỉnh, các bài báo viết về tỉnh,....

2. Cơ sở dữ liệu toàn văn về kết quả các nhiệm vụ khoa học công nghệ, gọi tắt là "KQNC". Diện bao quát của CSDL này chủ yếu là các báo cáo kết quả nghiên cứu của các chương trình, các đề tài, đề án cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố; sau đó là các báo cáo kết quả nghiên cứu của các đề tài, đề án thực hiện ở nơi khác nhưng có nội dung liên quan đến tỉnh, thành phố,....

3. Cơ sở dữ liệu toàn văn về tài liệu điều tra cơ bản, gọi tắt là "DTCB". Diện bao quát của CSDL này gồm các tài liệu điều tra cơ bản (kết quả các dự án, các cuộc điều tra, khảo sát trên địa bàn tỉnh);

4. Cơ sở dữ liệu toàn văn về công nghệ nông thôn, gọi tắt là "CNNT". Diện bao quát của CSDL này rất rộng, bao gồm: các tài liệu

về cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật nuôi trồng, các mô hình kinh tế, các phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn,... Những tài liệu cần thu thập có thể ở nhiều dạng: sách, chuyên đề, phụ trương, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, tiêu chuẩn, bướm tin, tờ tin, catalo công nghiệp,....

Theo tính cấp thiết và mức độ khả thi, chúng ta có thể xếp theo thứ tự ưu tiên triển khai như sau: 1. KQNC; 2. CNNT; 3. KTXH; 4. DTCB

Bốn CSDL này, như đã nêu ở trên, nếu được xây dựng dưới dạng toàn văn và đạt "đủ ngưỡng" thì chúng sẽ phục vụ hết sức thiết thực cho các yêu cầu tin về KHCN, về KT-XH ở địa phương (không chỉ cho các nhà lãnh đạo, quản lý mà còn cho cả cán bộ nghiên cứu và nhất là cho đông đảo người dân có nhu cầu áp dụng cái mới trong sản xuất cũng như trong đời sống xã hội). Do vậy, theo chúng tôi, cơ quan thông tin KHCN địa phương nào cũng nên đầu tư xây dựng 4 CSDL toàn văn nêu trên. Những CSDL này cũng sẽ làm nòng cốt cho việc tạo lập Thư viện điện tử về sau.

Tuy nhiên, nếu cơ quan/địa phương nào chưa có điều kiện tổ chức cả 4 CSDL thì cũng nên tổ chức 1 hoặc 2 CSDL toàn văn, đó là: KQNC và CNNT.

Đương nhiên, đối với những cơ quan thông tin KHCN địa phương có tiềm lực mạnh thì không những chỉ xây dựng 4 CSDL toàn văn nêu trên mà còn có thể tổ chức các CSDL khác nữa, ví dụ như: CSDL toàn văn về văn bản quy phạm pháp luật "VBQP"; CSDL toàn văn về Văn hoá và Du lịch địa phương "VHDL"; CSDL dữ kiện về Doanh nghiệp địa phương "DN",....

Về nguyên tắc: ta có thể gộp hai hoặc ba CSDL vào thành một CSDL tổng hợp. Nhưng theo chúng tôi, ta nên tổ chức riêng từng CSDL. Vì như vậy, ta sẽ duy trì được tính đặc thù của từng CSDL, đảm bảo cho sự phát triển, mở rộng sau này, nhất là để có thể tham gia vào các Mạng trao đổi thông tin chuyên biệt (về từng dạng tài liệu hay về tính chất nội dung tài liệu).

III. Một số biện pháp tổ chức và những kiến nghị

1. Thu thập kịp thời những tài liệu thuộc diện số hoá

Thu thập và lựa chọn

nguồn tin số hoá là khâu đặc biệt quan trọng trong quy trình số hoá. Bởi vì, nếu không có "bột" thì chúng ta không thể "gột nên hồ". Do vậy, các cơ quan thông tin KHCN đều phải đặc biệt chú trọng khâu này. Theo chúng tôi, có 3 cách để thu thập những tài liệu cần thiết, đó là:

- *Quy chế hoá việc giao nộp*: Phương thức này áp dụng để thu thập những dạng tài liệu đã được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ (năm 2000) và Nghị định số 159/2004/NĐ-CP (31/8/2004). Những tài liệu thuộc dạng phải giao nộp ở đây chính là các báo cáo kết quả các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, cấp cơ sở ở địa phương cũng như những tài liệu, báo cáo điều tra cơ bản có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí nhà nước. Trên cơ sở Luật KH&CN và Nghị định số 159/2004/NĐ-CP, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố ban hành **Quy chế** cụ thể về việc giao nộp những tài liệu này tại địa phương và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh chính là cơ quan thẩm quyền thực hiện việc đăng ký và lưu giữ các tài liệu đó. Ngoài ra, mỗi tỉnh, thành

phố còn có thể ban hành các quy định về việc tập trung quản lý các tài liệu cụ thể khác, tùy theo nhiệm vụ mà tỉnh đặt ra cho cơ quan thông tin KHCN địa phương.

- *Hỗ trợ kinh phí để thu thập*: Để thu thập được nhanh chóng, đầy đủ, trong kế hoạch hàng năm cơ quan thông tin KHCN cần dự trù một khoản kinh phí để thù lao cho những cơ quan, cá nhân giúp thu thập những tài liệu thuộc diện bao quát của các CSDL toàn văn (những tài liệu này chúng ta không thể mua được và nếu không thu thập kịp thời thì chúng dễ dàng bị mất đi hay tản mạn và sau đó sẽ không tìm được);

- Cơ quan thông tin KHCN chủ động tìm, sao nhân và đưa về những tài liệu có giá trị thuộc diện số hoá của cơ quan để đưa vào các CSDL toàn văn.

Mỗi phương thức nêu trên đều có những mặt thuận lợi và những mặt khó khăn nhất định khi thực hiện. Bởi vậy, cơ quan thông tin KHCN cần kết hợp cả 3 phương thức. Có như vậy, chúng ta mới thu thập được một cách đầy đủ, kịp thời những tài liệu có giá trị lâu dài, thuộc diện

lựa chọn để xây dựng tiềm lực nguồn tin số hoá.

Ngoài những tài liệu toàn văn của chính địa phương, cơ quan thông tin KHCN tỉnh, thành phố cần thu thập thêm những tài liệu của những cơ quan, địa phương khác có diện chuyên đề phù hợp. Đó là những tài liệu có giá trị phục vụ thiết thực cho địa phương mình. Mặt khác, phối hợp trao đổi, tận dụng các sản phẩm số hoá của các cơ quan, nhất là của những cơ quan thông tin KHCN trong vùng, có cùng diện chuyên đề bao quát. Như vậy, chúng ta có thể tăng nhanh "nguồn tin số hoá" tại địa phương, tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền của.

2. Tạo lập và phát triển các CSDL toàn văn nêu trên:

- *Về mặt cấu trúc:* Để phát triển lâu dài, dễ dàng trao đổi, liên kết trong các mạng thông tin KHCN, cấu trúc của mỗi CSDL nêu trên đều cần được thống nhất trong phạm vi toàn quốc. Có thể, trước mắt, theo cấu trúc của một số cơ quan thông tin tư liệu trung ương hoặc ngành đã triển khai các CSDL dạng này, chẳng hạn như CSDL "KQNC" và

"CNNT" của Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia (NACESTI). Lẽ dĩ nhiên, về nguyên tắc, cơ quan thông tin KHCN địa phương có thể áp dụng hoàn toàn cấu trúc đó hoặc có thể rút gọn cho đơn giản hơn hay thêm những trường đặc thù. Song theo chúng tôi, tốt nhất, chúng ta nên duy trì sự đầy đủ của cấu trúc.

- *Về ứng dụng chương trình phần mềm:* Trong thời điểm hiện nay, chúng ta chưa có những phần mềm mạnh để quản trị các CSDL toàn văn theo đúng nghĩa như ở nhiều nước tiên tiến. Tuy nhiên, chúng ta không thể chờ đợi khi nào có những chương trình đó thì mới triển khai. Và, qua kinh nghiệm của một số cơ quan thông tin KHCN đã, đang tạo lập nguồn tin số hoá thì với việc ứng dụng WinISIS, Green Stone, Zope, đặc biệt là ORACLE, SQL và Visual Basis chúng ta hoàn toàn có thể tổ chức CSDL toàn văn theo kiểu Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu trước mắt. Đó chính là phương thức: dựa trên CSDL thư mục/tóm tắt, mỗi biểu ghi có thêm trường gán đường dẫn tới File toàn văn. Để chuyển giao và khai thác CSDL theo chế độ off-line

(trên các bộ CD-ROM) cũng vậy, ta có thể tổ chức CSDL trên đĩa chủ Index và đi kèm là các đĩa dữ liệu toàn văn.

- *Về áp dụng các chuẩn:* Trong xây dựng CSDL toàn văn, để phát triển lâu dài, dễ dàng trao đổi, liên kết, chúng ta cũng cần quan tâm tới các chuẩn mô tả, quản trị và tìm kiếm. Hiện nay, "Khổ mẫu trao đổi đọc bằng máy-MARC21", "Tiêu chuẩn Siêu dữ liệu - Dublin core" và "Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2" là những công cụ đang được nghiên cứu ứng dụng và hướng dẫn triển khai rộng rãi, bài bản trong toàn quốc.

Về lâu dài, để đáp ứng đầy đủ tính năng của các CSDL phục vụ thư viện ta nên áp dụng chuẩn MARC21. Tuy nhiên, áp dụng hỗ trợ của MARC21 sẽ mất nhiều công sức và đòi hỏi cán bộ biên mục/xử lý tiền máy phải có trình độ. Do vậy, hiện nay có những ý kiến cho rằng: đối với những CSDL không lớn, để triển khai nhanh mà vẫn đảm bảo được các chức năng, nhất là chức năng lưu trữ và tìm kiếm, chúng ta hoàn toàn chỉ cần áp dụng Dublin core (với 15 yếu tố cơ bản).

3. Tổ chức số hoá

Đến nay, công việc số hoá tài liệu đã không còn là xa lạ đối với tất cả các cơ quan thông tin KHCN địa phương. Để tiến hành số hoá những tài liệu đã được chọn, chúng ta chỉ cần trang bị: các máy tính PC và các máy quét; ngoài hệ điều hành có thêm phần mềm *Acrobat* hoặc *Omnipage*; và, với những người cán bộ thông tin được đào tạo một khoá học ngắn hạn là họ hoàn toàn đảm nhận được công việc này. Vấn đề chính là ở chỗ: cơ quan thông tin KHCN phải có kế hoạch cụ thể, có kinh phí, có người tổ chức, kiểm tra công việc.

Về tổ chức số hoá tài liệu, ta có thể tiến hành theo 3 phương thức:

- *Tự tổ chức*: Để có thể thực hiện toàn bộ quy trình số hoá các nguồn tin đã lựa chọn, cơ quan thông tin KHCN địa phương cần được trang bị các máy tính PC, máy quét dành cho công việc này, trong đó có các phần mềm cần thiết như nêu trên, đồng thời bố trí cán bộ với thời gian tương ứng để thực hiện công việc số hoá.

- *Phối hợp tổ chức*: Cơ quan thông tin KHCN địa phương phối hợp với các cơ

quan thông tin Trung ương, ngành; với các cơ quan thông tin KHCN thuộc các sở KHCN khác để cùng tiến hành số hoá theo sự phân công hợp tác trên nguyên tắc các bên cùng có lợi (trao đổi để tích hợp được nguồn tin số hoá lớn hơn, cùng khai thác dữ liệu, thông tin đã số hoá hiệu quả hơn,...).

- *Đặt hàng số hoá tài liệu*: Cơ quan thông tin KHCN địa phương có thể đặt hàng cho các cơ quan khác, nhất là cơ quan thông tin KHCN, thực hiện việc số hoá các tài liệu đã được chọn thông qua việc ký kết hợp đồng cụ thể: theo lô, theo khoảng thời gian, theo dạng tài liệu,... với tinh thần hai bên cùng có lợi, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau, khuyến khích sử dụng các nguồn tin số hoá.

Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia sẵn sàng hợp tác để tạo lập ban đầu cũng như phát triển các CSDL nêu trên đối với các địa phương. Đặc biệt là CSDL "KQNC" và "CNNT". Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia có thể hợp tác trên các mặt: Thiết kế CSDL mới; Chuyển giao từng phần hay toàn bộ CSDL đã có; Đứng ra làm đầu mối tổ chức một Mạng

thông tin cụ thể; Đào tạo cán bộ thông tin; Phối hợp xây dựng, triển khai một đề án số hoá cụ thể, kể cả đề án lớn như "Xây dựng Thư viện điện tử về KHCN" tại địa phương.

Kết luận

Hoạt động sản xuất và kinh doanh ở Việt Nam nói chung và ở các địa phương nói riêng trong những năm gần đây diễn ra hết sức sôi động. Để góp phần đáp ứng được nhu cầu đó, hoạt động thông tin KHCN trong cả nước nói chung và ở địa phương nói riêng cũng phải nỗ lực vượt bậc hơn nữa, trước hết là tạo lập cho mình một tiềm lực thông tin KHCN đủ ngưỡng (ngưỡng quốc gia, ngưỡng ngành, ngưỡng tỉnh, thành phố). Tiềm lực đó không phải chỉ biểu hiện về mặt số lượng mà chủ yếu phải được biểu hiện về mặt "chất", về tính tiên tiến của nguồn tin KHCN: nội dung được lựa chọn kỹ lưỡng, thông tin có cấu trúc linh hoạt, tiện ích và kinh tế. Đó chính là các nguồn tin KHCN có giá trị của đất nước được số hoá, được tổ chức trong các CSDL toàn văn.

Nhiều CSDL toàn văn được liên kết, tích hợp lại để có thể khai thác theo chế độ

mạng từ mọi miền đất nước sẽ tạo nên một sức mạnh đáng kể phục vụ thiết thực cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước của Đảng và nhân dân ta.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Khoa học và Công nghệ (năm 2000).

2. Nghị định số 159/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 8 năm 2004

về hoạt động thông tin KHCN.

3. Thông tư liên tịch số 15/2003/TTLT-BKHCN-BNV của Liên bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý về khoa học và công nghệ ở địa phương.

4. Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN tỉnh, thành phố (kèm theo CV

số 760/BKHCN-TCCB ngày 7/4/2004 gửi các tỉnh, thành phố).

5. Tạ Bá Hùng. Phát triển nội dung số ở Việt Nam: những nguyên tắc chỉ đạo. -Tạp chí Thông tin & Tư liệu, 2000, số 1, tr. 2-6.

6. Nguyễn Tiến Đức. Xây dựng Thư viện điện tử và vấn đề số hoá tài liệu ở Việt Nam. -Tạp chí Thông tin & Tư liệu, 2005, số 2, tr. 14- 18.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ CÁC THƯ VIỆN Y HỌC Ở NƯỚC TA

Nguyễn Tuấn Khoa
Viện Thông tin Thư viện Y học Trung ương

Nêu hiện trạng và những vấn đề để hiện đại hoá của các thư viện y dược và những vấn đề để hiện đại hoá của các thư viện y dược. Trình bày 6 kinh nghiệm của thế giới về xây dựng thư viện điện tử: xây dựng theo kho tài liệu, số hoá, phục vụ thông tin, phân loại nguồn tin, thư viện lai, OCLC. Luận chứng việc xây dựng phần mềm và tổ chức thư viện số, xây dựng cổng tri thức điện tử và tạo công cụ chia sẻ thông tin y dược.

1. Hiện trạng của các thư viện y dược ở nước ta

Thực hiện Chỉ thị 10 của Bộ Y tế về đổi mới công tác thông tin thư viện y học, lãnh đạo Bộ và các cơ sở trong ngành đã quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện tăng cường năng lực, nguồn kinh phí, cơ sở vật chất và cán bộ cho các thư viện.

Về cơ sở vật chất, một số thư viện đã được nâng cấp, nhất là tại các Trường đại

học, cao đẳng và trung học, các Viện nghiên cứu và các Bệnh viện lớn. Tại nhiều thư viện, kinh phí đã được tăng cường hơn trước, đã bố trí một số cán bộ có trình độ chuyên môn thông tin thư viện, ngoại ngữ, CNTT cho các thư viện, tổ chức đào tạo và đào tạo lại, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm và tham quan khảo sát ở trong và ngoài nước. Bộ mặt của một số thư viện đã có nhiều thay

đổi. Việc ứng dụng CNTT trong tổ chức và quản lý hoạt động thư viện đã được thúc đẩy, góp phần tăng cường khả năng phục vụ cho các thư viện. Nhiều thư viện đã bước đầu sử dụng máy tính và mạng cục bộ để tổ chức hoạt động phục vụ, chia sẻ nguồn lực, thống nhất kỹ thuật, kết hợp tốt với các hình thức phục vụ truyền thống. Ở một số Trường Đại học và trung tâm lớn, đã tổ